

Tim hiểu thêm

VỀ CHẾ ĐỘ KINH DOANH NGÀNH NGHỀ HÓA TRONG NÔNG NGHIỆP TRUNG QUỐC

VIỆT HÀ

Để đạt mục tiêu hiện đại hoá nông nghiệp trong thời gian ngắn, sau khi hoàn thành cuộc cách mạng ruộng đất, ngay từ đầu những năm 1950, Trung Quốc đã nhanh chóng xoá bỏ chế độ kinh doanh nông nghiệp trên cơ sở tiểu nông đã tồn tại hàng nghìn năm bằng chế độ tập thể hoá. Việc thực hiện tập thể hoá sản xuất nông nghiệp đã mắc sai lầm lớn, đó là quá nóng vội, chạy theo việc nâng cấp quan hệ sản xuất một cách phiến diện. Chỉ đến cuối năm 1956, cả nước đã thành lập 759 ngàn hợp tác xã sản xuất nông nghiệp với sự tham gia của 96,3% nông hộ; có đến 100 triệu nông hộ tham gia hợp tác xã cao cấp, chiếm 87,8% tổng số nông hộ. Coi công xã nhân dân (CXND) là “chiếc cầu vàng đi lên chủ nghĩa cộng sản”, cuối năm 1958 các hợp tác xã trên hợp nhất thành 28,5 ngàn CXND với 127 triệu nông hộ tham gia, chiếm 99,1% tổng số nông hộ cả nước. Có

người đã khái quát cách vận hành của CXND lúc ấy là “làm việc chỉ gào to, phân phối thì dàn đều, chỉ huy thì mù quáng”. Nông dân chán nản, nạn lười biếng tràn lan, sản xuất suy giảm thảm hại, đó là những gì mà CXND đem lại cho nông nghiệp Trung Quốc. Là sản phẩm chủ quan của việc phiêu lưu, đi ngược quy luật kinh tế, CXND thất bại và tan rã là tất yếu.

Sau khi chế độ khoán sản lượng đến hộ gia đình ra đời, nông dân lại được làm chủ ruộng đất, phấn chấn sản xuất, nông nghiệp phục hồi. Song như nhiều tài liệu đã phân tích, chế độ đó không thể tồn tại vĩnh cửu. Tình hình mới trong nước và quốc tế đòi hỏi phải có một chế độ tổ chức kinh doanh nông nghiệp qui mô thích hợp, đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh chóng và bền vững. Sau một thời gian tìm tòi, nghiên cứu, thí điểm và tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, chế độ tổ chức kinh

doanh nông nghiệp mới đã hình thành và dần dần khẳng định được tính phù hợp của nó. Đó là chế độ kinh doanh ***ngành nghề hoá nông nghiệp***, tiếng Hán là “nông nghiệp sản nghiệp hoá”.

Ở Việt Nam, khái niệm ***ngành nghề hoá nông nghiệp*** hầu như chưa có, song nó đã xuất hiện từ lâu trên thế giới. Chế độ kinh doanh ngành nghề hoá nông nghiệp hình thành đầu tiên vào thập kỷ 50 thế kỷ XX ở Mỹ, sau đó nhanh chóng lan sang các nước phát triển như châu Âu, Nhật, Canada, v.v... và có tác dụng tích cực trong việc thúc đẩy nông nghiệp các nước này phát triển. Ở Trung Quốc, nó xuất hiện từ cuối những năm 1980, bắt đầu từ vùng ven biển, lan dần vào nội địa, từ ngành trồng trọt sang chăn nuôi.

Khi mới xuất hiện ở Trung Quốc, từ “ngành nghề hoá nông nghiệp” – có nghĩa là làm cho nông nghiệp trở thành một ngành nghề – gây rất nhiều tranh cãi, lý do chủ yếu là: bản thân nông nghiệp đã là ngành nghề thứ nhất trong nền kinh tế quốc dân của Trung Quốc rồi, mà đã là một “ngành nghề” (xuất phát từ tiếng Anh “Industry”), sao còn cần làm cho nó trở thành ngành nghề?

Thật ra nếu xét theo ngữ nghĩa, thì từ Industry trong tiếng Anh không chỉ có nghĩa là ngành nghề (chữ Hán là sản nghiệp), mà nó có nhiều hàm nghĩa, trong những trường hợp khác nhau nó có hàm nghĩa khác nhau. Trong hệ thống kinh tế quốc dân, sự phân loại các ngành nghề do nhà kinh tế học người Úc A.G.

Fisher đưa ra vào những năm 30 thế kỷ XX trở thành cơ sở của tiêu chuẩn phân loại ngành nghề quốc tế. Ông cho rằng ngành nghề thứ nhất (Primary Industry) là ngành nông nghiệp đáng trực tiếp đến tự nhiên; ngành nghề thứ hai (Second Industry) là công nghiệp, gia công thêm một bước trên cơ sở đó; các hoạt động kinh tế khác gọi là ngành nghề thứ ba (Third Industry). Năm 1984, Cục Thống kê nhà nước Trung Quốc ban hành tiêu chuẩn phân loại các ngành nghề kinh tế. Tiêu chuẩn đó có tham chiếu phân loại ngành nghề theo tiêu chuẩn ngành nghề quốc tế, có kết hợp với tình hình của Trung Quốc. Về cơ bản tiêu chuẩn đó không khác lắm so với tiêu chuẩn quốc tế.

Cụ thể là, cơ quan thống kê của Trung Quốc đã căn cứ vào trình tự phát triển lịch sử các hoạt động sản xuất xã hội, chia kết cấu ngành nghề như sau: Các ngành có sản phẩm trực tiếp lấy từ tự nhiên thì gọi là ngành nghề thứ nhất. Ngành nghề thứ nhất là nông nghiệp bao gồm nghề trồng trọt, nghề rừng, chăn nuôi, nghề phụ và nghề cá. Các ngành thực hiện gia công lại sản phẩm sơ cấp gọi là ngành nghề thứ hai, gồm công nghiệp và xây dựng, trong đó công nghiệp bao gồm khai thác, chế tạo, cấp nước, điện, khí đốt, nước nóng, khí than.... Ngành nghề thứ ba gồm các ngành không nằm trong ngành thứ nhất và thứ hai. Do ngành nghề thứ ba có nhiều ngành, phạm vi rộng, nên có thể

chia thành hai bộ phận là lưu thông và dịch vụ⁽¹⁾.

Nhưng có một điều cần phải đặc biệt chỉ rõ là, khi các nhà kinh tế học phương Tây phân nền kinh tế quốc dân thành ba loại ngành nghề như vậy, thì các nước phương Tây đều đã công nghiệp hoá rồi, nông nghiệp cũng đã trở thành một ngành nghề thực sự rồi. Do đó, trong khái niệm “ngành nghề thứ nhất” để chỉ nông nghiệp, không phải là nói đến nông nghiệp dưới bất cứ trạng thái kinh tế nào, mà là nông nghiệp đã công nghiệp hoá hoặc đã thành một ngành nghề thực sự.

Để thành một ngành nghề thực sự, cần có 3 điều kiện cơ bản: *một là* đã hình thành một tổ hợp ngành nghề hoặc một chuỗi ngành nghề riêng; *hai là* phải có hiệu quả quy mô nhất định để có thể sắp xếp tối ưu hoặc lợi dụng hợp lý các nguồn lực; *ba là* có thể làm cho ngành nghề đó không ngừng nâng cấp và phát triển liên tục, tức là phải có sức sống và tuổi thọ nhất định.

Xét về nông nghiệp, thì thấy trong nền kinh tế tự nhiên, nông nghiệp tuy có trực tiếp tác động đến tự nhiên trước nhất, song nó vẫn không phải là một ngành nghề theo ý nghĩa hiện đại. Hiện nay sự phát triển của nông nghiệp Trung Quốc đã thoát ra khỏi trạng thái kinh tế tự nhiên từ lâu, song do trình độ thị trường hoá lạc hậu, thể chế quản lý và phương thức kinh doanh đều có nhiều hạn chế, nên sự phát triển đó còn xa mới đạt đến trình độ của khu vực ngành nghề thứ nhất theo ý nghĩa đúng của nó.

Chính vì vậy, dù trên lý thuyết và cả trong thống kê, Trung Quốc đặt nông nghiệp vào ngành nghề thứ nhất, song trên thực tế, và đối chiếu với những điều kiện cơ bản của một ngành nghề, thì nông nghiệp Trung Quốc chưa trở thành một ngành nghề thực sự. Nó vẫn có nhiệm vụ phải “ngành nghề hoá”.

Gần đây, ở Trung Quốc xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề ngành nghề hoá nông nghiệp, trong đó đã đưa ra nhiều định nghĩa về khái niệm này⁽²⁾. Tình hình đó cũng diễn ra ở các nước khác. Dù có những định nghĩa không hoàn toàn giống nhau, giới định khái niệm không hoàn toàn như nhau, và trong thực tiễn, thể hiện ra dưới những hình thức và mô hình khác nhau, song có thể thấy rằng, ở Trung Quốc cũng như các nước khác, con đường phát triển ngành nghề hoá nông nghiệp đều có những đặc điểm tương tự, có thể tóm lược một cách khái quát là, căn cứ vào đòi hỏi của sản xuất lớn hiện đại hoá, theo chiều dọc thì nhất thể hoá các khâu sản xuất – chế biến – tiêu thụ; theo chiều ngang thì thực hiện kinh doanh theo chiều sâu các yếu tố sản xuất như vốn, kỹ thuật, nhân tài, v.v... hình thành cục diện kinh doanh chuyên môn hoá sản xuất, thương phẩm hoá sản phẩm, xã hội hoá dịch vụ.

Ngành nghề hoá nông nghiệp ở Trung Quốc thể hiện ra ở nhiều hình thức tổ chức. Khái quát lại, có 5 hình thức chủ yếu là:

- Công ty + nông hộ: Công ty (hoặc doanh nghiệp) đóng vai trò đầu tàu, nông hộ là những toa tàu làm thành thực thể kinh tế kinh doanh từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ. Một số thực thể kết hợp tương đối chặt chẽ, có hợp đồng ràng buộc giữa công ty, doanh nghiệp và nông hộ, “lợi ích cùng hưởng, rủi ro cùng chịu”, một số khác quan hệ lỏng lẻo theo kiểu 2 bên “mua đứt bán đoạn, một lần là xong.”

- Tổ chức kinh tế hợp tác + nông hộ: Các tổ chức kinh tế hợp tác thông qua các tổ chức trung gian, mạng lưới dịch vụ, liên hệ với đồng đảo các nông hộ, thực hiện gắn kết các khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ.

- Hiệp hội kỹ thuật chuyên ngành nông nghiệp + nông hộ: Hiệp hội cung cấp cho nông dân toàn bộ hoạt động từ thông tin khoa học kỹ thuật, kỹ thuật sản xuất, tư liệu sản xuất, vận chuyển, tiêu thụ, đưa nông dân ra thị trường.

- Trang trại + nông hộ: Trang trại do một hoặc nhiều nông hộ, hoặc các tập thể, các công ty cổ phần tạo thành, hoạt động theo kiểu hình thành những ngành nghề chủ đạo, dần dần kinh doanh quy mô hoá.

- Thị trường bán buôn chuyên ngành + nông hộ: Thị trường bán buôn hướng dẫn nông dân điều chỉnh sản xuất theo đòi hỏi của thị trường, phục vụ các khâu trước, trong và sau sản xuất nông nghiệp bao gồm cung cấp thông tin thị trường, giống tốt, tư liệu sản xuất, v.v...

Trong các hình thức trên, vai trò của công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã hay hiệp hội KHKT, trang trại, chợ bán buôn luôn luôn có tác dụng hướng dẫn, tổ chức và phục vụ các nông hộ, thiếu các thực thể đó, không thể có kinh doanh ngành nghề hoá trong nông nghiệp.

Sau hơn 10 năm thực hiện, đến năm 2002, Trung Quốc đã có 94 ngàn tổ chức kinh doanh ngành nghề hoá nông nghiệp với 72,65 triệu nông hộ, tức 30,5% số nông hộ trong cả nước, xuất hiện trong nhiều lĩnh vực của ngành nông nghiệp⁽³⁾.

Các nhà khoa học Trung Quốc cho rằng, ngành nghề hoá nông nghiệp sẽ là chiếc “chìa khoá đa năng”, mở được nhiều cánh cửa lâu nay khó mở, sẽ hoá giải được nhiều nhân tố kìm hãm sự phát triển của nông nghiệp Trung Quốc. Nhận định đó xuất phát từ những phân tích sau:

- Đây là lối thoát căn bản để giải quyết mâu thuẫn giữa sản xuất nhỏ và thị trường lớn. Nền sản xuất nhỏ do chủ thể phân tán, yếu kém, cơ sở mỏng manh nên khó đối phó với rủi ro thị trường, không nắm bắt được thông tin thị trường, dẫn đến sản xuất mù quáng, khó sử dụng kỹ thuật mới, giá thành sản phẩm cao. Phát triển kinh doanh ngành nghề hoá sẽ có thể bù đắp những thiếu sót trên. Các nông hộ có thể thông qua các tổ chức trung gian, các doanh nghiệp đầu tàu, thị trường chuyên môn hoặc cơ sở sản xuất để tổ chức lại, liên hệ với thị trường, tăng cường sức chống đỡ với rủi ro thị trường và rủi ro tự nhiên, nâng

cao sức cạnh tranh trên thị trường. Các nông hộ sẽ được đáp ứng kịp thời và hiệu quả những nhu cầu cấp bách mà họ không thể có được nếu kinh doanh đơn độc, phân tán, như thông tin thị trường, trợ giúp về vốn, cung ứng tư liệu sản xuất, dịch vụ sản xuất, chỉ đạo kỹ thuật, dịch vụ chuyên chở, chế biến, tiêu thụ v.v. Mặt khác, các doanh nghiệp đầu tàu hoặc các tổ chức dịch vụ, chế biến, lưu thông nhờ liên kết với các nông hộ, nên cũng thu được nhiều lợi ích kinh tế như có nguồn hàng và cơ sở sản xuất nguyên liệu ổn định, đảm bảo sản xuất và tiêu thụ không bị xáo trộn, cũng nâng cao được khả năng phòng chống rủi ro và sức cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, kinh doanh ngành nghề hoá nông nghiệp còn liên kết được các khâu trước, trong và sau sản xuất, nhờ vậy mở rộng được quy mô kinh doanh.

- Là biện pháp chiến lược để nâng cao hiệu quả tổng hợp của nông nghiệp, góp phần tăng thu nhập cho nông dân. Sản xuất nông nghiệp nhờ gắn bó với các khâu gia công, tiêu thụ nên không ngừng tăng giá trị, nhất là các công đoạn chế biến thành thức ăn nhanh, thức ăn bổ dưỡng v.v... mà giá trị gia tăng lớn hơn đến mấy lần, thậm chí mấy chục lần. Đồng thời, lượng công việc trong lĩnh vực nông nghiệp cũng tăng lên, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân.

- Làm cho cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn được điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất, thu nhiều giá trị nhất. Trước đây trong nông nghiệp Trung Quốc luôn luôn xuất hiện tình

trạng khó mua khó bán kế tiếp nhau. Mặc dầu lãnh đạo các cấp đã bàn bạc giải quyết để điều chỉnh cơ cấu sản xuất, cơ cấu sản phẩm, song kết quả không được là bao. Vẫn sản xuất trùng lặp, vẫn chỗ thiếu chỗ thừa. Nhờ sự phát triển của khoa học kỹ thuật, của giao thông vận tải, nhiều sản phẩm, kể cả các loại đặc sản quý hiếm, đã mất lợi thế so sánh, trở nên tràn lan, ứ đọng, thừa ế. Trước tình trạng này, các hộ nông dân phân tán đành bó tay. Sự giúp đỡ của chính quyền cũng ít hiệu quả. Nó đòi hỏi phải có một chế độ mới, phương thức mới, mà kinh doanh ngành nghề hoá nông nghiệp là thích hợp nhất. Nó có thể thông qua các doanh nghiệp đầu tàu, thị trường bán buôn, các tổ chức hợp tác kinh tế, hiệp hội ngành nghề, dùng biện pháp ký cam kết, hợp đồng để đưa nông sản và các sản phẩm chế biến ra thị trường trong nước và quốc tế, phân bổ nguồn lực theo đòi hỏi của thị trường, chỉ đạo nông dân không ngừng điều chỉnh kết cấu, cung cấp nhiều sản phẩm thích hợp với thị trường, hình thành sản xuất quy mô, hiệu quả.

- Mở ra con đường hết sức rộng rãi cho việc chuyển dịch lao động ở nông thôn và đô thị hoá nông thôn. Hiện nay nông thôn Trung Quốc có khoảng gần 200 triệu lao động dư dôi, trình độ đô thị hoá chưa đến 40%. Thực hiện kinh doanh ngành nghề hoá, sẽ hình thành hàng loạt doanh nghiệp chế biến, vận chuyển, tiêu thụ nông sản, thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp hương trấn, góp phần

quan trọng giải quyết việc làm cho mấy trăm triệu lao động vốn chỉ quanh quẩn trên những thửa ruộng nhỏ bé ở nông thôn. Nhờ sự hình thành một loạt doanh nghiệp hương trấn sản xuất các ngành nghề thứ hai và thứ ba, Trung Quốc sẽ tránh được tình trạng hình thành những đô thị lớn một cách mù quáng, mà sẽ xây dựng những đô thị nhỏ và vừa ngay tại nông thôn, trực tiếp phục vụ nông nghiệp.

- Thúc đẩy ứng dụng khoa học kỹ thuật mới trong nông nghiệp. Các nhà nghiên cứu đã nhận xét, nông nghiệp không thể phát triển, không thể trở thành kinh tế hàng hoá, và phát triển bền vững nếu không dựa vào khoa học kỹ thuật, song nền sản xuất nhỏ và khoa học kỹ thuật mới là một cặp đối lập, mâu thuẫn, không thể đồng hành. Những người nông dân ít vốn, kinh doanh riêng rẽ, thiếu thông tin, tố chất thấp không có cách nào làm cho khoa học kỹ thuật thực sự trở thành “nhân tố nhanh nhạy nhất, cách mạng nhất” của sức sản xuất được, bởi không được ứng dụng rộng rãi, khoa học kỹ thuật sẽ không có sức hấp dẫn, không có ý nghĩa hiện thực. Trong điều kiện ngành nghề hoá nông nghiệp, các doanh nghiệp đầu tàu muốn có nguồn hàng ổn định và nguyên liệu chất lượng cao, sẽ phải tập trung sản xuất nguyên liệu và nông sản thô, cung cấp cho nông dân dịch vụ đồng bộ hình thành sản xuất qui mô. Đó là một cơ chế lợi ích mở ra con đường ứng dụng khoa học kỹ thuật và công cụ hiện đại để sản xuất

chuyên môn hoá, tạo ra nhu cầu với khoa học kỹ thuật mới.

Những phân tích của các nhà nghiên cứu Trung Quốc về lợi ích và hiệu ứng của cách kinh doanh ngành nghề hoá nông nghiệp cho thấy, đây là phương thức quan trọng giúp cho nông nghiệp Trung Quốc tiếp nhận thời cơ và thách thức do gia nhập WTO và hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, là cơ chế có hiệu quả cao giúp nông nghiệp Trung Quốc nâng cao khả năng thích ứng và sức sống mạnh mẽ, hoà vào trào lưu kinh tế thế giới một cách thuận lợi.

Tuy nhiên cũng theo nghiên cứu điều tra và phân tích của các nhà khoa học Trung Quốc, kinh doanh ngành nghề hoá nông nghiệp của Trung Quốc chỉ mới bắt đầu, có những đặc trưng của thời kỳ đầu. Đặc trưng đó thể hiện chủ yếu ở sự chưa hoàn thiện của cơ chế liên kết lợi ích. Không ít doanh nghiệp đầu tàu và nông hộ vẫn chỉ dừng ở quan hệ “mua đứt bán đoạn, một lần là xong”. Nhiều công ty, doanh nghiệp chưa lập ra cơ chế hoàn trả lợi nhuận cho các nông hộ tham gia liên kết, các nông hộ chỉ nhận được từ công ty, doanh nghiệp tiền tương đương tiền bán nông sản mà không nhận được lợi nhuận từ giá trị gia tăng của khâu chế biến và tiêu thụ. Chiếc bánh chia rất không công bằng. Rõ ràng hai bên chưa thật sự liên kết lâu dài với nhau trên cơ sở lợi ích chung, sự liên hợp của các bên chưa thể gọi là kinh doanh ngành nghề hoá được. Cho nên có nhà nghiên cứu cho rằng, số nông hộ được

các tổ chức kinh doanh ngành nghề hoá
lôi cuốn, năm 2002 đã lên đến 30,5%
tổng số nông hộ cả nước, có lẽ là đã được
thổi phồng lên⁽⁴⁾.

Trong kinh doanh ngành nghề hoá,
doanh nghiệp đầu tàu có vai trò mấu
chốt, bên trong thì gắn kết hàng ngàn
vạn hộ, bên ngoài thì gắn kết với thị
trường trong, ngoài nước. Thực tiễn cho
thấy, xây dựng được một doanh nghiệp
đầu tàu, có thể thúc đẩy khai thác tổng
hợp được một hoặc nhiều loại nông sản.
Theo thống kê, đến năm 2004, Trung
Quốc đã xây dựng được 372 doanh
nghiệp đầu tàu trọng điểm cấp nhà nước
trong kinh doanh ngành nghề hoá nông
nghiệp và một lượng lớn doanh nghiệp
cấp tỉnh. Nhưng các doanh nghiệp này
tồn tại và hoạt động tương đối khó khăn.
Là một sản phẩm mới ra đời, nhưng các
doanh nghiệp đầu tàu không nhận được
sự giúp đỡ cần thiết và đầy đủ từ phía
nhà nước. Đã có nhiều chính sách giúp
đỡ được ban hành, như chính sách thoái
thuế, ưu đãi tín dụng và xúc tiến phát
triển cho doanh nghiệp, nhưng những
chính sách đó không được thực hiện đến
nơi đến chốn, bị bớt xén trong khi thực
hiện. Sự giúp đỡ đối với tổ chức hợp tác
kinh tế của nông dân lại càng kém. Có
nói, bộ ngành công thương địa phương
không thực hiện bất cứ một chính sách
ưu đãi nào, một biện pháp trợ giúp hiệu
quả nào với tổ chức hợp tác kinh tế, thực
sự là “sự giúp đỡ dừng ở đầu lưỡi.” “Luật
hợp tác xã nông nghiệp” chậm ban hành
cũng ảnh hưởng đến sự phát triển của tổ

chức hợp tác kinh tế nông dân, ảnh
hưởng đến kinh doanh ngành nghề hoá
trong nông nghiệp.



CHÚ THÍCH:

(1): Bành Tinh Lữ, Tiêu Xuân Dương
(2000): *Thị trường và ngành nghề hoá nông
nghiệp*, Nxb Quản lý Kinh tế Trung Quốc.

(2): Xem Bành Hoàng Diêm, Tiêu Xuân
Dương (2000): *Thị trường và ngành nghề hoá
nông nghiệp*, Nxb Quản lý kinh tế Trung
Quốc; Triệu Bang Hồng, Khuê Văn Tường
(2002): *Kinh doanh ngành nghề hoá nông
nghiệp ở Trung Quốc*, Nxb Vật giá Trung
Quốc; Cao Toàn Thành: *Thành thị hoá và
ngành nghề hoá, hai bánh xe thúc đẩy nông
dân giàu có*, Tạp chí Nhân văn (TQ) số 6-
2002; Triệu Bảo Tá (1999): *Lý luận và thực
tiễn kinh doanh ngành nghề hoá nông
nghiệp*, Nxb Thuỷ lợi Hoàng Hà; Ngưu
Nhược Phong, Lý Thành Quý, Trịnh Hữu
Quý...(2004): *Vấn đề “tam nông” của Trung
Quốc, nhìn lại và đánh giá triển vọng*, Nxb
KHXH Trung Quốc; OECD: *Nhìn lại và
đánh giá chính sách nông nghiệp của Trung
Quốc* (bản dịch sang tiếng Hán), Nxb Kinh tế
Trung Quốc, 2005, v.v...

(3): Ngưu Nhược Phong, Lý Thành Quý,
Trịnh Hữu Quý (2004): *Vấn đề “tam nông”
của Trung Quốc – Nhìn lại và đánh giá triển
vọng*, Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc.

(4): Ngưu Nhược Phong, Lý Thành Quý,
Triệu Hữu Quý... Sdd.